

Bản án số 01/2025/KDTM-PT

Ngày 08-01-2025

V/v tranh chấp hợp đồng

mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Bùi Văn Bảo- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 02 và ngày 08/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2024/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/KDTM-ST, ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 12/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2024 và Thông báo dời phiên tòa số 473/2024/TB-TA ngày 16/12/2024, giữa các đương sự:

1. Các nguyên đơn:

1.1. Công ty TNHH MTV T6. Trụ sở: Số C đường P, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh N – Chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

1.2. Công ty TNHH H5. Trụ sở: Số E đường L, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Công H – Chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

1.3. Công ty TNHH S. Địa chỉ: Quốc lộ A, khu V, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc C – Chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc H1 – Đại diện chi nhánh Công ty TNHH S tại Sóc Trăng. Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Công ty TNHH MTV T6; Công ty TNHH H5; Công ty TNHH S: Bà Huỳnh Thị Diệu O. Địa chỉ: Số I đường T, khóm A, phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH A1. Trụ sở: SAV8-19.12 The Sun A, 28 đường M, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Duy T – Chức vụ: Tổng Giám đốc. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thủy T1 (vắng mặt) và ông Trần Văn D (có mặt). Cùng địa chỉ: P, số I P, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 25/6/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đinh Thị Quỳnh N1 – là luật sư của Công ty L1. Địa chỉ: P, số I P, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3. Các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Tổng Công ty B2. Địa chỉ: Số E đường P, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội. (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc T2 – Chức vụ: Phó Giám đốc Bưu điện tỉnh A1. Địa chỉ: Số A đường T, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo văn bản ủy quyền đề ngày 16/12/2024. (có mặt)

3.2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn X. Địa chỉ: Số D đường T, Khu phố T, phường L, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Quốc T3 – Chức vụ Giám đốc (vắng mặt).

4. Những người làm chứng:

4.1. Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm: 1970 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt). Địa chỉ: Số E đường L, khóm D, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

4.2. Ông Nguyễn Anh D1, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Số A ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ nơi làm việc: Số D đường L, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

4.3. Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm: 1988 (vắng mặt). Địa chỉ: Khu phố D, H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở hiện nay: Đường N, ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: Ông Trần Văn D là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2022 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 11 tháng 8 năm 2023 của các nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn, bà Huỳnh Thị Diệu O trình bày:*

Công ty TNHH MTV T6 (gọi tắt là Công ty T6) kinh doanh vật liệu xây dựng và thiết bị lắp đặt trong xây dựng.

Công ty TNHH H5 (gọi tắt là Công ty H5) kinh doanh vật liệu xây dựng và thiết bị lắp đặt trong xây dựng.

Công ty TNHH S (gọi tắt là Công ty S) sản xuất, kinh doanh sắt thép, phân phối trần thạch cao các loại.

Trong quá trình kinh doanh Công ty T6, Công ty H5 và Công ty S có biết Công ty TNHH A1 (gọi tắt là Công ty A1) do ông Mai Duy T làm người đại diện theo pháp luật trúng thầu và thi công dự án cải tạo, nâng cấp Bưu điện tỉnh A1. Sau đó phía Công ty A1 có liên hệ với Công ty T6 để yêu cầu cung ứng hàng hóa là các vật liệu xây dựng và vật liệu trang trí để thi công công trình nêu trên. Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2021 đến tháng 4/2022 Công ty T6 có giao hàng cho Công ty A1 nhiều lần tại địa chỉ thi công công trình (số A đường T, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) tổng cộng số tiền là 756.656.767 đồng. Sau đó Công ty A1 đã thanh toán cho Công ty T6 320.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 436.656.767 đồng (có bảng kê kèm theo).

Khi Công ty T6 tiến hành giao hàng, mỗi đợt giao hàng tại công trình do bên Công ty TNHH A1 thi công đều có lập phiếu giao hàng, phía Công ty A1 có người đại diện ký nhận. Trong quá trình mua hàng, đại diện Công ty TNHH A1 có đưa người đại diện của Bưu điện tỉnh A1 đến Công ty T6 nhiều lần để lựa chọn mẫu vật liệu trang trí và các sản phẩm lắp đặt khác. Phía Công ty TNHH A1 hẹn sau khi kết thúc công trình, họ nhận tiền từ phía Bưu điện tỉnh A1 sẽ thanh toán số tiền còn lại cho Công ty T6.

Đồng thời Công ty TNHH A1 có liên hệ với Công ty H5 để yêu cầu cung ứng hàng hóa là các vật liệu xây dựng và vật liệu trang trí để thi công công trình nêu trên. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2022 đến tháng 4/2022 Công ty H5 có giao hàng cho Công ty A1 E&C nhiều lần tại địa chỉ thi công công trình (số A đường T, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) tổng cộng số tiền là 71.137.320 đồng (có bảng kê kèm theo).

Khi Công ty H5 tiến hành giao hàng, mỗi đợt giao hàng tại công trình do bên Công ty TNHH A1 thi công đều có lập phiếu giao hàng, phía công ty TNHH A1 có người đại diện ký nhận. Phía công ty TNHH A1 hẹn sau khi kết thúc công trình, họ nhận tiền từ phía Bưu điện tỉnh Sóc Trăng sẽ thanh toán tiền cho Công ty H5.

Ngoài ra phía Công ty TNHH A1 có liên hệ với Công ty S (thông qua chi nhánh Công ty TNHH S tại Sóc Trăng) để yêu cầu mua và thi công trần thạch cao các loại để thi công công trình nêu trên. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2022 đến tháng 3/2022 Công ty S có bán hàng và thi công cho Công ty TNHH A1 nhiều lần tại địa chỉ thi công công trình (số A đường T, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) tổng cộng số tiền là 171.062.000đồng. Sau đó Công ty TNHH A1 đã thanh toán cho Công ty S 60.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 111.062.000 đồng (một trăm mười một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng) (có bảng kê kèm theo).

Khi Công ty S tiến hành giao hàng và thi công tại công trình Bưu điện tỉnh A1 có ghi lại hình ảnh và có giám sát của phía Bưu Đ xác nhận. Phía công ty TNHH A1 hẹn sau khi kết thúc công trình, họ nhận tiền từ phía Bưu điện tỉnh Sóc Trăng sẽ thanh toán tiền cho Công ty S.

Tuy nhiên, cho đến nay công trình cải tạo, nâng cấp Bưu điện tỉnh A1 đã hoàn tất, công ty TNHH A1 lại không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho các nguyên đơn khoản tiền còn nợ. Các nguyên đơn là nhà cung cấp nguyên vật liệu đã nhiều lần làm việc với đại diện công ty TNHH Anh Duy E&C và Bưu điện tỉnh A1 tại trụ sở của Bưu điện tỉnh A1 để yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ.

Nay các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty TNHH Anh Duy E&C và Bưu điện tỉnh A1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH MTV T6 số tiền còn nợ là 436.656.767 đồng.

2. Buộc Công ty TNHH Anh Duy E&C và Bưu điện tỉnh A1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH H5 số tiền còn nợ là 71.137.320 đồng.

3. Buộc Công ty TNHH Anh Duy E&C và Bưu điện tỉnh A1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền còn nợ là 111.062.000 đồng.

Ngày 11/8/2023 các nguyên đơn có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện:

Thứ nhất: Xác định lại đối tượng tham gia tố tụng với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan là Tổng công ty B2. Địa chỉ: số E đường P, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Quang H2, chức vụ: Tổng giám đốc.

Thứ hai: Thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

- Buộc Công ty TNHH A1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH MTV T6 số tiền còn nợ là 436.656.767 đồng (Bốn trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

- Buộc Công ty TNHH A1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH H5 số tiền còn nợ là 71.137.320đồng (Bảy mươi một triệu một trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi đồng).

- Buộc Công ty TNHH A1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền còn nợ là 111.062.000 đồng (một trăm mười một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày giữ nguyên đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 11/8/2023 và yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty TNHH A1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH MTV T6 số tiền còn nợ là 436.656.767 đồng.

2. Buộc Công ty TNHH A1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH H5 số tiền còn nợ là 71.137.320 đồng.

3. Buộc Công ty TNHH A1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền còn nợ là 111.062.000 đồng.

Ngoài ra, bà O cũng trình bày tại phiên tòa, mặc dù các nguyên đơn không có hợp đồng bằng văn bản về việc mua bán hàng hóa với bị đơn nhưng qua chứng cứ gián tiếp các nguyên đơn chứng minh được giữa các nguyên đơn và bị đơn có giao dịch với nhau, các nguyên đơn có xuất trình chứng cứ là Công ty A1 có ban hành nghị quyết số 01-20/NQ-HĐTV ngày 05/01/2020 để bổ nhiệm ông Đoàn Quốc T3 giữ chức vụ Phó tổng giám đốc phụ trách điều hành thi công, quyết định số 09/QĐ-TGD ngày 27/11/2021 để thành lập ban điều hành dự án cải tạo nâng cấp Bưu điện tỉnh A1 trong đó bổ nhiệm ông Đoàn Quốc T3 là chỉ huy trưởng công trình, ông Đỗ Xuân H3 là kỹ thuật, ông Nguyễn Văn P1 là kỹ thuật. Các nguyên đơn có xuất trình các chứng cứ là hóa đơn giao hàng. Qua đó, các nguyên đơn biết được Công ty A1 có ký hợp đồng với Bưu điện tỉnh A1 thi công công trình số 082/2021/HĐXD/BĐST-AD ngày 23/11/2021. Ông Đoàn Quốc T3 là Phó tổng giám đốc Công ty TNHH A1 là người trực tiếp đến gặp các nguyên đơn để đề nghị mua hàng hóa, nguyên vật liệu để thi công công trình Bưu điện tỉnh Sóc Trăng, quá trình giao nhận hàng hóa thì bên Công ty A1 có người đại diện nhận hàng là ông Nguyễn Văn P1, vợ ông P1 là bà Nguyễn Thị M và một số công nhân của Công ty A1 ký nhận. Có lời khai của các người làm chứng là ông P và ông D1 chứng kiến việc các nguyên đơn có giao hàng cho bị đơn tại công trình Bưu điện tỉnh A1, có lời khai của người liên quan là bà T2 thừa nhận có đến Công ty T6 để lựa chọn gạch, thiết bị vệ sinh theo lời đề nghị của Công ty A1. Công ty S có giao nộp các tài liệu chứng cứ hình ảnh thi công trần thạch cao, hình ảnh buổi làm việc giữa các nhà cung cấp với Công ty A1 tại Bưu điện tỉnh A1. Lời khai của ông Nguyễn Anh D1 tại phiên tòa, lời khai của ông P, ông P1 đều xác định các nguyên đơn có giao hàng cho bị đơn tại Bưu điện tỉnh A1. Việc bị đơn cho rằng có ký hợp đồng giao khoán thi công với Công ty TNHH X, Tòa án có đưa Công ty TNHH X vào tham gia tố tụng nhưng Công ty TNHH X không có ý kiến phản hồi nên không có đủ căn cứ cho rằng bị đơn có ký hợp đồng giao khoán thi công cho Công ty TNHH X.

** Tại biên bản hòa giải ngày 20/02/2023, biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2023, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn, Công ty TNHH A1 (sau đây gọi tắt là Công ty A1) ông Mai Duy T và lời trình bày của ông Trần Văn D tại phiên tòa thì:*

Công ty A1 kinh doanh nhiều lĩnh vực nhưng chủ yếu là xây dựng. Thông qua các cuộc họp tại Bưu điện tỉnh A1 giữa các bên trong đó có 03 đại diện của các nguyên đơn thì ông có biết các nguyên đơn nhưng theo yêu cầu khởi kiện thì ông không đồng ý và xác định giữa Công ty A1 và các nguyên đơn không có mối quan hệ giao dịch hợp đồng gì với nhau.

Giữa Công ty Anh Duy và Bưu điện tỉnh A1 có ký hợp đồng thi công công trình số 082/2021/HĐXD/BĐST-AD ngày 23/11/2021 đến nay đã thực hiện xong công trình.

Nguyên đơn khởi kiện không đúng đối tượng, vì sau khi ký hợp đồng thi công công trình xây dựng số 082/2021/HĐXD/BĐST-AD ngày 23/11/2021 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn A1 và Bưu điện tỉnh A1 thì Công ty A1 có ký hợp đồng giao khoán số 082-1/2021/HĐGK/AD-TP ngày 01/12/2021 với Công ty TNHH X (do ông Đoàn Quốc T3 là đại diện theo pháp luật) nội dung hợp đồng: Giao khoán thi công nhà chính và các hạng mục phụ trợ công trình cải tạo, nâng cấp Bưu điện tỉnh A1. Vì vậy, trên thực tế Công ty A1 chỉ quản lý công việc đã giao khoán với vai trò là nhà thầu chính để đơn đốc tiến độ, thẩm định chất lượng theo đúng điều khoản hợp đồng đã ký kết giữa hai bên, nên không có việc liên hệ với phía các nguyên đơn để yêu cầu cung ứng vật liệu. Khi có thông tin phản hồi về việc Công ty X chậm thanh toán tiền cho một số nhà cung cấp, công ty A1 đã có buổi làm việc với các nhà cung cấp (có sự tham gia của 03 nguyên đơn) đề nghị các nhà cung cấp làm việc với bên mua là Công ty X để đòi chiếu công nợ, thu hồi nợ. Đồng thời, Công ty A1 cũng đã gửi văn bản đến Công ty X yêu cầu làm rõ và xử lý. Hợp đồng giao khoán thi công giữa Công ty A1 và Công ty X không thực hiện được đến cùng và chưa nghiệm thu phần việc đã thực hiện, ngày 07/5/2022 Công ty A1 có văn bản gửi Công ty X đơn phương chấm dứt hợp đồng. Công ty A1 tiếp quản phần việc mà Công ty X đã thực hiện và tiếp tục thực hiện công trình tại Bưu điện tỉnh A1 đến khi hoàn tất và đưa vào sử dụng. Đến nay, hợp đồng giao khoán đã chấm dứt và Công ty A1 đã hoàn tất nghĩa vụ tài chính với Công ty X.

Các nguyên đơn đưa ra 03 căn cứ để yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ cụ thể là có giao dịch phát sinh từ Công ty A1 và các đồng nguyên đơn; có việc nhận hàng và ký nhận hàng từ Công ty A1 với các đồng nguyên đơn; có việc nhận hàng và hứa hẹn sau khi kết thúc công trình tại Bưu điện tỉnh A1 sẽ thanh toán cho các đồng nguyên đơn. Với 03 căn cứ này trong hồ sơ vụ án không có bất cứ chứng cứ nào chứng minh có việc nhận hàng từ Công ty A1 với các đồng nguyên đơn.

Công ty A1 có ban hành nghị quyết số 01-20/NQ-HĐTV ngày 05/01/2020 để bổ nhiệm ông Đoàn Quốc T3 giữ chức vụ Phó tổng giám đốc phụ trách điều hành thi công, đến ngày 15/03/2022 Công ty A1 đã ban hành nghị quyết số 01-22/NQ-HĐTV để miễn nhiệm chức vụ này của ông Đoàn Quốc T3. Đồng thời, sau khi ký hợp đồng với Bưu điện tỉnh A1 thì Công ty A1 có ban hành quyết định số 09/QĐ-TGD ngày 27/11/2021 để thành lập ban điều hành dự án cải tạo nâng cấp Bưu điện tỉnh A1 trong đó bổ nhiệm ông Đoàn Quốc T3 là chỉ huy trưởng công trình, ông Đỗ Xuân H3 là kỹ thuật, ông Nguyễn Văn P1 là kỹ thuật nhưng sau khi trình cho Bưu điện tỉnh A1 thì Bưu điện tỉnh A1 không đồng ý, nên Công ty A1 đã ban hành quyết định số 10A/QĐ-TGD ngày 27/11/2021 thành lập ban điều hành dự án cải tạo nâng cấp Bưu điện tỉnh A1 bổ nhiệm ông Ngô Dương Đức T4 là chỉ huy trưởng, ông Nguyễn Văn G là cán bộ kỹ thuật phụ trách phần xây dựng, ông Nguyễn Công B là cán bộ kỹ thuật điện, ông Phan Đình B1 là cán bộ kỹ thuật nước, ông Nguyễn Tiến D2 là cán bộ kỹ thuật phụ trách hồ sơ thanh quyết toán, ông Mai Duy Q là cán bộ kỹ thuật phụ trách an toàn lao động – vệ sinh môi trường.

** Tại biên bản hòa giải ngày 20/02/2023, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng công ty B2, bà Nguyễn Ngọc T2 trình bày:*

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do giữa Bưu điện tỉnh A1 và các nguyên đơn không có phát sinh quan hệ kinh tế. Trong quá trình giao nhận các vật tư và thanh toán giữa Công ty A1 với 03 nguyên đơn thì bà không biết. Bưu điện tỉnh A1 chỉ ký hợp đồng thi công công trình số 082/2021/HĐXD/BĐST-AD ngày 23/11/2021 với Công ty A1 còn Công ty A1 mua vật tư của ai, ở đâu để thi công công trình thì bà không biết. Bà có đến Công ty T6 để lựa chọn vật tư là gạch để trang trí và thiết bị vệ sinh do Công ty A1 thông báo cho bà đi chọn gạch và thiết bị vệ sinh để thực hiện công trình.

Trong quá trình thực hiện công trình tại Bưu điện tỉnh A1 thì Bưu điện tỉnh A1 có thuê đơn vị để giám sát công trình là Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Sóc Trăng để tham gia giám sát xuyên suốt quá trình xây dựng, về phía Công ty A1 có cử người giám sát công trình hay không thì bà không được biết.

Đến nay thì hợp đồng thi công công trình số 082/2021/HĐXD/BĐST-AD ngày 23/11/2021 giữa Bưu điện tỉnh A1 và Công ty A1 đã hoàn thành và đã đưa vào sử dụng. Bưu điện tỉnh A1 có ban hành công văn số 1359/BĐST-KHKD ngày 05/10/2022 của Bưu điện tỉnh A1 gửi cho Công ty TNHH A1 xác định “Bưu điện tỉnh A1 ký hợp đồng với Công ty TNHH A1 không phải Công ty TNHH X, Công ty TNHH A1 phải có trách nhiệm giải quyết về các công nợ liên quan đến ông T3 và các nhà cung cấp vật tư đã cung cấp vật tư cho dự án: cải tạo, nâng cấp Bưu điện tỉnh A1 (Theo điều 13.1 Trong hợp đồng Công ty TNHH A1 đã vi phạm hợp đồng). Khi ký hợp đồng nhà thầu phụ không trình Chủ đầu tư phê duyệt, không trình giấy phép đăng ký kinh doanh và năng lực nhà thầu phụ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Trách nhiệm hữu hạn X vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến gì.*

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2024/DS-ST, ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, Điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g, khoản 1 Điều 40, khoản 1 và khoản 5 Điều 95, Điều 147, Khoản 1 Điều 244, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng các Điều 351; Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Công ty TNHH MTV T6; Công ty TNHH H5; Công ty TNHH S.

2. Buộc Công ty TNHH A1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH MTV T6 số tiền còn nợ là 436.656.767 đồng.

3. Buộc Công ty TNHH A1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH H5 số tiền còn nợ là 71.137.320 đồng.

4. Buộc Công ty TNHH A1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền còn nợ là 111.062.000 đồng.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 306 Luật Thương mại tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

* Ngày 02/8/2024, ông Trần Văn D là đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 13/2024/DS-ST, ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và Buộc Công ty TNHH A1 hoàn trả tiền cho các nguyên đơn với lý do: Công ty A1 không ký bất kỳ hợp đồng mua bán, không nhận hàng hóa và không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho các nguyên đơn. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa án sơ thẩm theo nội dung không chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của các nguyên đơn

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện; ông Trần Văn D là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn luật sư Đinh Thị Quỳnh N1 trình bày:*

Giữa Công ty Anh Duy và Bưu điện tỉnh A1 có ký hợp đồng thi công công trình số 082/2021/HĐXD/BĐST-AD ngày 23/11/2021 đến nay đã thực hiện xong công trình, sau khi ký hợp đồng thì Công ty A1 có ký hợp đồng giao khoán số 082-1/2021/HĐGK/AD-TP ngày 01/12/2021 với Công ty TNHH X (do ông Đoàn Quốc T3 là đại diện theo pháp luật) nội dung hợp đồng: Giao khoán thi công nhà chính và các hạng mục phụ trợ công trình cải tạo, nâng cấp Bưu điện tỉnh A1 để thực hiện một phần việc tại Bưu điện tỉnh Sóc Trăng, bên cạnh đó thì bị đơn Công ty A1 vẫn có những nhân viên của Công ty A1 ở công trình để theo dõi, giám sát nên ông G.

Nguyên đơn căn cứ vào hai văn bản số 01-20/NQ-HĐTV ngày 05/01/2020 để bổ nhiệm ông Đoàn Quốc T3 giữ chức vụ Phó tổng giám đốc phụ trách điều hành thi công; quyết định số 09/QĐ-TGD ngày 27/11/2021 để cho rằng bị đơn có liên quan trong việc giao dịch mua bán là không đúng, vì theo luật doanh nghiệp chỉ có người đại diện theo pháp luật của Công ty A1 mới có quyền ký kết hợp đồng giao dịch, ông T3 không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty A1. Đồng thời, theo quy định của pháp luật thì chỉ huy trưởng công trình cũng có quy định riêng về nhiệm vụ quyền hạn. Mặc khác, ông Nguyễn Văn P1 không phải là nhân viên của Công ty A1.

Có giao dịch thực tế giữa Công ty X hoặc cá nhân ông T3 và các nguyên đơn thông qua các lần chuyển khoản thanh toán, chứ không có bất kỳ chứng từ

chuyển tiền từ Công ty A1 cho các nguyên đơn, nên bị đơn không có liên quan gì đến công nợ mà các nguyên đơn yêu cầu. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn D, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST, ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của ông Trần Văn D là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[1.2] Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên Tòa phúc thẩm, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV T6; Công ty TNHH H5, Công ty TNHH S, Công ty TNHH A1 và Tổng Công ty B2 vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa; người làm chứng ông Nguyễn Tấn P có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH X, ông Nguyễn Văn P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, các nguyên đơn giữ nguyên đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 11/8/2023. Xét thấy, việc sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH A1 có trách nhiệm thanh toán cho: Công ty TNHH MTV T6 số tiền còn nợ là 436.656.767 đồng; Công ty TNHH H5 số tiền còn nợ là 71.137.320 đồng và Công ty TNHH S số tiền còn nợ là 111.062.000 đồng.

[2.2] Bị đơn do ông Trần Văn D đại diện theo ủy quyền không đồng ý theo yêu cầu của các nguyên đơn và xác định giữa Công ty A1 và các nguyên đơn không có mối quan hệ giao dịch hợp đồng gì với nhau.

[2.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Trách nhiệm hữu hạn X vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến gì.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH A1. Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nhận thấy:

[3.1] Tại tòa phúc thẩm luật sư của bị đơn cho rằng ông Đoàn Quốc T3 và ông Nguyễn Văn P1 không phải là nhân viên của Công ty A1 thì thấy rằng, Tại Nghị Quyết số 01-20/NQ-HĐTV ngày 05/01/2020 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH A1 bổ nhiệm ông Đoàn Quốc T3 đảm nhận chức vụ là Phó Tổng Giám đốc điều hành thi công Công ty TNHH A1 kể từ ngày 05/01/2020 và Tại Quyết định số 09/QĐNQ-HĐTV ngày 27/11/2021 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH A1 về việc thành lập ban điều hành dự án cải tạo, nâng cấp Bưu điện tỉnh A1 có danh sách kèm theo thì có ông Đoàn Quốc T3 là chỉ huy trưởng, ông Đỗ Xuân H3 và ông Nguyễn Văn P1 đều là kỹ thuật. Như vậy, theo các văn bản trên thì ông T3, ông H3 và ông P1 là nhân viên của Công ty TNHH A1 và ông Đoàn Quốc T3 đảm nhận chức vụ là Phó Tổng Giám đốc điều hành thi công Công ty TNHH A1 kể từ ngày 05/01/2020 đến ngày 15/3/2022. Mặc khác, tại dòng số 18 trang 29 biên bản phiên tòa ngày 26/7/2024 thì luật sư N1 thừa nhận ông P1 là nhân viên của Công ty A1. Do đó, Luật sư cho rằng ông T3, ông P1 không phải là nhân viên của Công ty A1 là không có căn cứ, nên kháng cáo phần này không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Theo các nguyên đơn khởi kiện của thì thấy rằng: Công ty A1 là đơn vị trúng thầu thi công công trình Bưu điện tỉnh A1, theo hợp đồng thi công xây dựng công trình số 082/2021/HĐXD/BĐST-AD ký giữa Bưu điện tỉnh A1 và Công ty TNHH A1, sau khi trúng thầu thì Công ty A1 ban hành quyết định số 09/QĐ-TGD ngày 27/11/2021 thành lập ban điều hành dự án cải tạo nâng cấp Bưu điện tỉnh A1 có ông Đoàn Quốc T3 là chỉ huy trưởng; ông Đỗ Xuân H3 là kỹ thuật; ông Nguyễn Văn P1 là kỹ thuật (BL số 477-479). Tại phiên tòa bị đơn cung cấp cho Tòa án bản pho to không có công chứng chứng thực quyết định số 10A/QĐ-TGD ngày 27/11/2021 thành lập ban điều hành dự án cải tạo nâng cấp Bưu điện tỉnh A1 bổ nhiệm ông Ngô Dương Đức T4 là chỉ huy trưởng, ông Nguyễn Văn G là cán bộ kỹ thuật phụ trách phần xây dựng, ông Nguyễn Công B là cán bộ kỹ thuật điện, ông Phan Đình B1 là cán bộ kỹ thuật nước, ông Nguyễn Tiến D2 là cán bộ kỹ thuật phụ trách hồ sơ thanh quyết toán, ông Mai Duy Q là cán bộ kỹ thuật phụ trách an toàn lao động – vệ sinh môi trường nhưng trong nội dung quyết định này không có nội dung thay thế quyết định số 09/QĐ-TGD ngày 27/11/2021. Đồng thời, người làm chứng ông Nguyễn Anh D1 cũng cung cấp cho Tòa án bản pho to không có công chứng quyết định số 10A/QĐ-TGD của Công ty A1 nhưng ngày ban hành quyết định là ngày 25/11/2021 chứ không phải ngày 27/11/2021. Do đó, quyết định quyết định số 10A/QĐ-TGD của Công ty A1 không có giá trị làm chứng cứ để xem xét trong vụ án. Đồng thời, tại công văn số 1359/BĐST-KHKD ngày 05/10/2022 của Bưu điện tỉnh A1 gửi cho Công ty

TNHH A1 (BL 388) thì Bru điện tỉnh A1 xác định “Bru điện tỉnh A1 ký hợp đồng với Công ty TNHH A1 không phải Công ty TNHH X, Công ty TNHH A1 phải có trách nhiệm giải quyết về các công nợ liên quan đến ông T3 và các nhà cung cấp vật tư đã cung cấp vật tư cho dự án: cải tạo, nâng cấp Bru điện tỉnh A1 (Theo điều 13.1 Trong hợp đồng Công ty TNHH A1 đã vi phạm hợp đồng). Khi ký hợp đồng nhà thầu phụ không trình Chủ đầu tư phê duyệt, không trình giấy phép đăng ký kinh doanh và năng lực nhà thầu phụ. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận Công ty A1 có ban hành nghị quyết số 01-20/NQ-HĐTV ngày 05/01/2020 để bổ nhiệm ông Đoàn Quốc T3 giữ chức vụ Phó tổng giám đốc phụ trách điều hành thi công, đến ngày 15/03/2022 Công ty A1 đã ban hành nghị quyết số 01-22/NQ-HĐTV để miễn nhiệm chức vụ này của ông Đoàn Quốc T3. Do đó, trong khoảng thời gian từ ngày 05/01/2020 đến ngày 15/03/2022 ông Đoàn Quốc T3 vẫn giữ chức vụ Phó tổng giám đốc phụ trách điều hành thi công, ông Nguyễn Duy P2 và ông Đỗ Xuân H3 vị trí kỹ thuật của Công ty A1 cũng như tại dòng số 18 trang 29 biên bản phiên tòa ngày 26/7/2024 thì luật sư N1 thừa nhận ông P2 là nhân viên của Công ty A1 ký nhận hàng là chuyện bình thường.

[3.3] Theo đó, ông Đoàn Quốc T3 là người đại diện Công ty A1 trực tiếp giao dịch với các nguyên đơn mua vật liệu phục vụ việc cải tạo, nâng cấp Bru điện tỉnh A1, quá trình thực hiện giao nhận hàng hóa của Công ty T6 có hóa đơn giao hàng, bảng tổng hợp xác nhận công nợ (Bút lục 62 đến 122), Công ty H5 có phiếu giao hàng, hóa đơn bán hàng, bảng kê chi tiết bán hàng ngày 15/4/2022 (Bút lục 212 đến 372), Công ty S có cung cấp hình ảnh thi công trần thạch cao, bảng tổng hợp xác nhận công nợ ngày 17/12/2022 (Bút lục 158 đến 172) thì bên Công ty A1 có người ký nhận là ông Nguyễn Văn P1, ông Đoàn Quốc T3, bà Nguyễn Thị M và một số công nhân tên H4, L, T5, Nguyễn Thành P3. Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2024 đối với ông Nguyễn Văn P1 thì ông P1 thừa nhận chữ ký của ông trong tài liệu chứng cứ do các nguyên đơn giao nộp. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2023 người làm chứng ông Nguyễn Tấn P khai: Thời gian từ ngày 09 tháng 01 đến tháng 03 năm 2022. Ông đã thực hiện thi công trần thạch cao tại cục bu phát, nhà vệ sinh chung, tầng 2, tầng 5 và tầng 6. Đến cuối tháng 03/2022 do Công ty A1 không thanh toán tiền cho Công ty S nên phát sinh tranh chấp, từ đó ông ngừng thi công. Quá trình thực hiện khi thi công xong hạng mục nào ông đều chụp hình bằng điện thoại cá nhân của ông để gửi cho Công ty S. Tại biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Anh D1 ngày 28/3/2023 và tại phiên tòa ông Nguyễn Anh D1 khai ông là nhân viên Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh S. Cơ quan ông và Bru điện tỉnh A1 có ký hợp đồng tư vấn giám sát công trình số 23/2021/HĐ-TVGS ngày 10/11/2021 theo đó thì chủ đầu tư là Bru điện tỉnh A1 có thuê Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Sóc Trăng giám sát thi công công trình cải tạo, nâng cấp Bru điện tỉnh A1. Công trình khởi công ngày 29/12/2021 và kết thúc bàn giao đưa vào sử dụng ngày 31/8/2022. Quá trình thi công thì Công ty TNHH A1. Do ông Mai Duy T – Chức vụ: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật là đơn vị trúng thầu xây dựng Bru điện tỉnh A1. Trong quá trình ông thực hiện giám sát, tổ giám sát có 08 người, trong đó ông là

giám sát viên, giám sát trực tiếp, ông Huỳnh Tuấn Đ1 trưởng phòng giám sát thiết kế và tư vấn đấu thầu Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh S là giám sát trưởng, ngoài ra còn 06 thành viên khác thực hiện giám sát thi công, cụ thể thì tổ giám sát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát vật liệu đầu vào thi công công trình, theo đó thì ông có trực tiếp giám sát thi công trần thạch cao, trần nhôm do ông Nguyễn Tấn P là người của Công ty TNHH S thực hiện giai đoạn đầu, đơn vị Bưu điện tỉnh có gắn camera nội bộ của Bưu điện tỉnh rất nhiều. Ông cũng thấy xe của Công ty TNHH MTV T6 kinh doanh vật liệu xây dựng và thiết bị lắp đặt trong xây dựng cung cấp thiết bị vệ sinh; Công ty TNHH H5 cung cấp cát, đá xi măng, chở vật tư vào công trình. Trong suốt quá trình giám sát thì ông Đoàn Quốc T3 với tư cách là Phó tổng giám đốc Công ty A1 đến công trình thực hiện mua nguyên vật liệu, trong hồ sơ giám sát không có Công ty X thực hiện công trình. Tại phiên tòa bà Nguyễn Ngọc T2 là đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng bà có đến Công ty T6 để lựa chọn vật tư là gạch để trang trí và thiết bị vệ sinh do Công ty A1 thông báo cho bà đi chọn gạch và thiết bị vệ sinh để thực hiện công trình.

[4] Từ những phân tích tại các tiểu mục [3.1] đến tiểu mục [3.3] mục [3] thì cấp sơ thẩm khẳng định việc các nguyên đơn có bán hàng hóa, vật tư, vật liệu xây dựng, thi công trần thạch cao để phục vụ xây dựng, sửa chữa công trình Bưu điện tỉnh A1 là có căn cứ. Đến nay, hợp đồng thi công xây dựng công trình số 082/2021/HĐXD/BĐST-AD ký giữa Bưu điện tỉnh A1 và Công ty TNHH A1 đã hoàn tất và đưa vào sử dụng. Ông Mai Duy T không có trực tiếp đến quản lý công trình và cũng không có ký hợp đồng mua vật tư của các nguyên đơn và các Công ty khác mua vật liệu để cải tạo, nâng cấp Bưu điện tỉnh A1. Chính ông T3 là người đại diện Công ty TNHH A1 ký hợp đồng mua vật tư của các nguyên đơn và các Công ty khác để cải tạo, nâng cấp Bưu điện tỉnh A1 các Công ty khác để ký hợp đồng vật liệu để cải tạo, nâng cấp Bưu điện tỉnh A1. Do đó, cấp sơ thẩm xác định Công ty TNHH A1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV T6 số tiền còn nợ là 436.656.767 đồng; Công ty TNHH H5 số tiền còn nợ là 71.137.320 đồng và Công ty TNHH S số tiền còn nợ là 111.062.000 đồng là có căn cứ.

[5] Việc bị đơn cho rằng có ký kết hợp đồng giao khoán thi công cho Công ty TNHH X do ông Đoàn Quốc T3 là giám đốc vào ngày 01/12/2021 (BL 584-593); Ngày 27/4/2022 và ngày 07/5/2022 bị đơn có văn bản gửi Công ty TNHH X để đơn phương chấm dứt hợp đồng các bên đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính với nhau. Xét thấy, việc bị đơn ký hợp đồng giao khoán thi công không được chủ đầu tư là Bưu điện tỉnh A1 chấp nhận. Hơn nữa, tại điểm c khoản 13.1 Điều 13 của hợp đồng thi công xây dựng công trình số 082/2021/HĐXD/BĐST-AD ký giữa Bưu điện tỉnh A1 và Công ty TNHH A1 thì bên nhận thầu không được giao lại toàn bộ công việc theo hợp đồng cho nhà thầu phụ thực hiện. Do đó, việc Công ty TNHH A1 cho rằng Công ty A1 có ký hợp đồng giao khoán số 082-1/2021/HĐGK/AD-TP ngày 01/12/2021 với Công ty TNHH X (do ông Đoàn Quốc T3 là đại diện theo pháp luật) nội dung hợp đồng: Giao khoán thi công nhà chính và các hạng mục phụ trợ công trình cải tạo, nâng cấp Bưu điện tỉnh A1 đã vi phạm tại điểm c khoản 13.1 Điều 13 của hợp đồng thi công xây dựng công trình

số 082/2021/HĐXD/BĐST-AD ký giữa Bưu điện tỉnh A1 và Công ty TNHH A1. Đồng thời, bị đơn thừa nhận hợp đồng giao khoán thi công giữa bị đơn và ông Đoàn Quốc T3 không thực hiện được đến cùng và chưa nghiệm thu phần việc đã thực hiện do Công ty X mất khả năng thanh toán và biến mất, nên bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng. Công ty A1 tiếp quản phần việc mà Công ty X đã thực hiện và tiếp tục thực hiện công trình tại Bưu điện tỉnh A1 đến khi hoàn tất và đưa vào sử dụng.

[6] Các nguyên đơn khởi kiện cụ thể: **1.** Yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Công ty T6 cho rằng. Trong khoảng thời gian từ ngày 10/12/2021 đến ngày 20/4/2022 C1 có giao hàng cho Công ty A1 E&C nhiều lần tại địa chỉ thi công công trình (số A đường T, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) tổng cộng số tiền là 756.656.767 đồng. Sau đó Công ty A1 đã thanh toán cho nguyên đơn hai lần số tiền 320.000.000 đồng (lần 1: ngày 20/01/2022 = 200.000.000 đồng và lần 2: ngày 28/01/2022 = 120.000.000 đồng), số tiền còn nợ lại là 436.656.767 đồng theo bảng tổng hợp xác nhận công nợ ngày 11/5/2022. **2.** Yêu cầu khởi kiện của Công ty H5, trong khoảng thời gian từ ngày 02/01/2022 đến ngày 15/4/2022 Công ty H5 có giao hàng cho Công ty A1 E&C nhiều lần tại địa chỉ thi công công trình (số A đường T, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) tổng cộng số tiền là 71.137.320 đồng theo bảng kê chi tiết bán hàng ngày 15/4/2022. **3.** Yêu cầu khởi kiện của Công ty S, trong khoảng thời gian từ tháng 01/2022 đến tháng 3/2022 Công ty S có bán hàng và thi công cho Công ty TNHH A1 nhiều lần tại địa chỉ thi công công trình (số A đường T, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) tổng cộng số tiền là 171.062.000 đồng. Sau đó Công ty TNHH A1 đã thanh toán cho Công ty S 60.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 111.062.000 theo bảng tổng hợp xác nhận công nợ ngày 17/12/2022. Do đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn D là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH A1 và lời đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn, đồng thời căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa là có căn cứ để chấp nhận.

[8] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do giữ nguyên Bản án sơ thẩm, nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn D là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH A1. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2023/KDTM-ST ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, Điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g, khoản 1 Điều 40, khoản 1 và khoản 5 Điều 95, Điều 147, Khoản 1 Điều 244, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 351; Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Công ty TNHH MTV T6; Công ty TNHH H5; Công ty TNHH S.

2. Buộc Công ty TNHH A1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH MTV T6 số tiền còn nợ là 436.656.767 đồng.

3. Buộc Công ty TNHH A1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH H5 số tiền còn nợ là 71.137.320 đồng.

4. Buộc Công ty TNHH A1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền còn nợ là 111.062.000 đồng.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 306 Luật Thương mại tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

6. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

6.1. Các nguyên đơn Công ty TNHH MTV T6; Công ty TNHH H5; Công ty TNHH S không phải chịu án phí sơ thẩm.

6.1.1. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty TNHH MTV T6 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.733.135 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000917 ngày 21/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

6.1.2. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty TNHH H5 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.778.433 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000918 ngày 21/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

6.1.3. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty TNHH S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.776.550 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000919 ngày 21/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

6.2. Bị đơn Công ty TNHH A1 phải chịu án phí số tiền 28.754.243 đồng.

7. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn Công ty TNHH A1 phải chịu án phí số tiền là 2.000.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền Công ty TNHH A1 đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001960 ngày 20/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Như vậy, Công ty TNHH A1 đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND tp Sóc Trăng
- Chi cục THADS tp Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – Văn phòng – Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

Hồ Văn Phụng

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thành Tôn Thị Thanh Thúy

Hồ Văn Phụng

1. Giữa Công ty Anh Duy và Bưu điện tỉnh A1 có ký hợp đồng thi công công trình số 082/2021/HĐXD/BĐST-AD ngày 23/11/2021 đến nay đã thực hiện xong công trình.

2, Sau khi ký hợp đồng thì Công ty A1 có ký hợp đồng giao khoán số 082-1/2021/HĐGK/AD-TP ngày 01/12/2021 với Công ty TNHH X (do ông Đoàn Quốc T3 là đại diện theo pháp luật) nội dung hợp đồng: Giao khoán thi công nhà chính và các hạng mục phụ trợ công trình cải tạo, nâng cấp Bưu điện tỉnh A1 để thực hiện một phần việc tại Bưu điện tỉnh Sóc Trăng, bên cạnh đó thì bị đơn Công ty A1 vẫn có những nhân viên của Công ty A1 ở công trình để theo dõi, giám sát nên ông P1 là nhân viên Công ty A1 ký nhận hàng hóa là chuyện bình thường.

3. Công ty A1 có ban hành nghị quyết số 01-20/NQ-HĐTV ngày 05/01/2020 để bổ nhiệm ông Đoàn Quốc T3 giữ chức vụ Phó tổng giám đốc phụ trách điều hành thi công.

4. Đến ngày 15/03/2022 Công ty A1 đã ban hành nghị quyết số 01-2/NQ-HĐTV để miễn nhiệm chức vụ này của ông Đoàn Quốc T3.

5. Đồng thời, sau khi ký hợp đồng với Bưu điện tỉnh A1 thì Công ty A1 có ban hành quyết định số 09/QĐ-TGD ngày 27/11/2021 để thành lập ban điều hành dự án cải tạo nâng cấp Bưu điện tỉnh A1 trong đó bổ nhiệm ông Đoàn Quốc T3 là chỉ huy trưởng công trình, ông Đỗ Xuân H3 là kỹ thuật, ông Nguyễn Văn P1 là kỹ thuật nhưng sau khi trình cho Bưu điện tỉnh A1 thì Bưu điện tỉnh A1 không đồng ý.

6. Công ty A1 đã ban hành quyết định số 10A/QĐ-TGD ngày 27/11/2021 thành lập ban điều hành dự án cải tạo nâng cấp Bưu điện tỉnh A1 bổ nhiệm ông Ngô Dương Đức T4 là chỉ huy trưởng, ông Nguyễn Văn G là cán bộ kỹ thuật phụ trách phần xây dựng, ông Nguyễn Công B là cán bộ kỹ thuật điện, ông Phan Đình B1 là cán bộ kỹ thuật nước, ông Nguyễn Tiến D2 là cán bộ kỹ thuật phụ trách hồ sơ thanh quyết toán, ông Mai Duy Q là cán bộ kỹ thuật phụ trách an toàn lao động – vệ sinh môi trường.

7. Ngày 07/5/2022 Công ty A1 có văn bản gửi Công ty X đơn phương chấm dứt hợp đồng. Công ty A1 tiếp quản phần việc mà Công ty X đã thực hiện và tiếp tục thực hiện công trình tại Bưu điện tỉnh A1 đến khi hoàn tất và đưa vào

sử dụng. Đến nay, hợp đồng giao khoán đã chấm dứt và Công ty A1 đã hoàn tất nghĩa vụ tài chính với Công ty X.